

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2022/DS-ST**

Ngày 28/9/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mùa

2. Ông Phan Tấn Lãm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hương – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 71/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng B (gọi tắt là Ngân hàng)

Địa chỉ: 169, phố L, phường H, quận M, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Vũ Thị M- Phó giám đốc Ngân hàng B – Phòng giao dịch huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

Theo quyết định ủy quyền số 19/QĐ-PGD ngày 20/9/2019

*** Bị đơn:** Bà Trần Thị H, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 10, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 và ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 10, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 4 năm 2022 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Gia đình bà Trần Thị H có vay Ngân hàng B – Phòng giao dịch huyện Bù Gia Mập 02 khoản vay, cụ thể như sau:

- Ngày 09/4/2019 gia đình bà có vay 20.000.000 đồng chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, ngày đến hạn: 09/4/2022; lãi suất 9%/năm, lãi suất quá hạn: 11,7%/năm.

- Ngày 09/6/2019 gia đình bà có vay 50.000.000 đồng chương trình cho vay cận hộ nghèo, ngày đến hạn: 09/6/2022, lãi suất 7,920%/năm, lãi suất quá hạn: 10,296%/năm.

- Tổng số tiền gốc gia đình bà Trần Thị H vay là 70.000.000 đồng. Trong suốt quá trình vay cho đến ngày khởi kiện gia đình bà H chưa trả cho ngân hàng được số tiền vay gốc nào và trả được số tiền lãi 16.633.973 đồng tiền lãi suất.

Vì vậy, Ngân hàng B khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xem xét, giải quyết buộc bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn Th trả nợ cho Ngân hàng B toàn bộ số tiền gốc còn lại là 70.000.000 đồng và số tiền lãi chưa trả tính đến ngày 12/4/2022 là 51.781 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện vì gia đình bà H đã trả được số tiền vay gốc 20.000.000 đồng cho ngân hàng. Nay chỉ yêu cầu bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn Th trả nợ số tiền gốc còn lại là 50.000.000 đồng và số tiền lãi chưa trả tính đến ngày 28/9/2022 là 545.720 đồng.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm

2. Bị đơn bà Trần Thị H: Vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Th: Vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể

từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ theo đúng theo quy định tại các điều 26, 35, 39, 68, 93, 94, 95, 96, 97, 203, 205, 208, 209, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đơn, buộc bị đơn bà Trần Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Th có nghĩa vụ trả cho ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và lãi suất theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản do nguyên đơn ngân hàng B thực hiện quyền khởi kiện. Vì bị đơn bà Trần Thị H có địa chỉ cư trú tại thôn 10, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn bà Trần Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Th đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Th .

Bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Th không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

3.1. Về số tiền nợ gốc:

Căn cứ vào sổ vay vốn thể hiện hộ gia đình bà H gồm các thành viên bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Th có vay vốn của ngân hàng B tổng số tiền vay là 70.000.000 đồng, gồm: Số tiền vay 20.000.000 đồng chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn ngày 09/4/2019 và số tiền 50.000.000 đồng chương trình cho vay cận hộ nghèo hộ ngày 09/6/2019. Xét thấy, việc ký sổ vay vốn giữa Ngân hàng và gia đình bà H là tự nguyện, có điều khoản rõ ràng, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 117, Điều 119 của Bộ luật dân sự 2015 và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật. Các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng, nếu một trong các bên vi phạm thì phải chịu chế tài.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân số tiền 70.000.000 đồng cho gia đình bà H. Khi đến hạn trả nợ ngày thì hộ gia đình bà H đã trả khoản nợ 20.000.000 đồng, còn khoản vay 50.000.000 đồng thì gia đình bà H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất cho Ngân hàng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng B buộc hộ gia đình bà H trả số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng là có đủ căn cứ nên được chấp nhận.

3.2. Về tiền lãi suất:

- Mức lãi suất của khoản vay 20.000.000 đồng chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, ngày đến hạn: 09/4/2022; lãi suất 9%/năm, lãi suất quá hạn: 11,7%/năm. Gia đình bà H đã hoàn tất cả gốc và lãi suất nên ngân hàng không yêu cầu.

- Mức lãi suất của khoản vay 50.000.000 đồng chương trình cho vay cận hộ nghèo, ngày đến hạn: 09/6/2022, lãi suất 7,920%/năm, lãi suất quá hạn: 10,296%/năm. Gia đình bà H đã trả số tiền lãi đến ngày 09/8/2022, số tiền lãi quá hạn từ ngày 10/8/2022 đến ngày 28/9/2022 là 545.720 đồng chưa trả.

Xét thấy, mức lãi suất mà ngân hàng yêu cầu mà các bên thỏa thuận trong sổ vay vốn là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nên yêu cầu về lãi suất của Ngân hàng được chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Th phải nộp theo quy định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158; khoản 2 Điều 227; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 117, 119; 293, 295, 298, 318, 319, 468, 500, 502 của Bộ luật dân sự 2015

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng B

Buộc bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Th có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng B số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) và số tiền lãi tính đến ngày 28/9/2022 là 545.720 đồng (*Năm trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm hai mươi đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Th còn phải tiếp tục chịu tiền lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Trần Thị H, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Th phải nộp số tiền 2.527.286 đồng (*Hai triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng*)

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Bù Gia Mập;
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ TUYẾT